

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/DS-ST

Ngày: 13- 6- 2022

V/v tranh chấp nợ hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đào Văn Vĩnh

- Bà Ngô Như Ý

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 48/2022/TLST - DS ngày 23 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp “nợ hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn: Ông Mã Văn S, sinh năm 1971 và Nguyễn Thị Lệ X, sinh năm 1971. Cùng địa chỉ: Ấp Xẻo Chích, thị trấn C, huyện V, tỉnh B (có mặt).

2. Đồng bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1977 và ông Vũ Anh H, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 02 năm 2022 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ X và ông Mã Văn S trình bày: Vợ chồng tôi có chơi hui do bà N, ông H làm chủ. Cụ thể, hui ngày 20.000 đồng/ngày, vợ chồng tôi tham gia 06 dây; một dây hui 1.000.000 đồng/10 ngày, vợ chồng tôi tham gia 01

phần; một dây hụi 2.000.000 đồng/15 ngày vợ chồng tôi tham gia 01 phần. Cụ thể từng dây hụi như sau:

1) Hụi ngày mệnh giá 20.000 đồng/phần, vợ chồng tôi tham gia 06 dây hụi, cụ thể:

+ Dây hụi thứ 1, mở ngày 19 tháng 9 năm 2021 (âm lịch), có 80 phần, vợ chồng tôi tham gia 10 phần, đã góp hụi được 80 lần (80 ngày) là ngày mãn hụi (ngày 09/12/2021 âm lịch). Vợ chồng tôi đã góp được số tiền 15.800.000 đồng. Chúng tôi đóng hụi đến kỳ 80 là vì bà N với các hụi viên trong đó có tôi thỏa thuận, nếu không có nhu cầu hốt hụi thì các hụi viên (hụi viên còn sống) vẫn đóng hụi sống với số tiền lời mỗi phần hụi là 1.000 đồng. Số tiền hụi viên đóng hụi này bà N chủ hụi xoay đồng tiền ở các dây hụi khác và thanh toán lãi cho các hụi viên theo thỏa thuận (mỗi ngày 1000 đồng/phần). Đến kỳ 80 chủ hụi sẽ giao cho tôi một lần đối với 10 phần hụi mà tôi tham gia. Dây hụi này tôi đóng đến mãn hụi nhưng bà N ông H không giao tiền cho tôi.

+ Dây hụi thứ 2, mở ngày 24 tháng 9 năm 2021 (âm lịch), có 83 phần, vợ chồng tôi tham gia 15 phần, đã góp hụi được 75 lần (75 ngày) tương đương số tiền 21.330.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 3, mở ngày 07 tháng 10 năm 2021 (âm lịch), có 83 phần, vợ chồng tôi tham gia 20 phần, đã góp hụi được 62 lần (62 ngày) được số tiền 23.500.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 4, mở ngày 17 tháng 10 năm 2021 (âm lịch), có 83 phần, vợ chồng tôi tham gia 10 phần, đã góp hụi được 52 lần (52 ngày) được số tiền 9.850.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 5, mở ngày 29 tháng 10 năm 2021 (âm lịch), có 83 phần, vợ chồng tôi tham gia 10 phần, đã góp hụi được 40 lần (40 ngày) được số tiền 7.380.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 6, mở ngày 26 tháng 11 năm 2021 (âm lịch), có 83 phần, vợ chồng tôi tham gia 20 phần, đã góp hụi được 14 lần (14 ngày) được số tiền 5.260.000 đồng.

Các dây hụi này hai bên thỏa thuận lãi ngày đầu 3000 đồng/phần/ngày; ngày thứ hai là 2.000 đồng/phần/ngày; ngày thứ ba đến kỳ mãn hụi là 1000 đồng/ngày/phần.

Tổng 06 dây hụi ngày 20.000 đồng/ngày, tôi đã đóng cho bà N, ông H số tiền 83.120.000 đồng.

2) Dây hụi mệnh giá 1.000.000 đồng/10 ngày mở ngày 26/4/2021 âm lịch, gồm 31 phần, vợ chồng tôi tham gia 01 phần, góp hụi được 23 lần (ngày 06/12/2021) bằng số tiền hụi thực đóng là 19.770.000 đồng.

3) Dây hụi mệnh giá 2.000.000 đồng/15 ngày, mở ngày 15/4/2021 âm lịch, mệnh giá 2.000.000 đồng, gồm 22 phần, vợ chồng tôi tham gia 01 phần, góp hụi được 16 lần bằng số tiền 29.790.000 đồng.

Nay vợ chồng tôi yêu cầu vợ chồng bà N, ông H thanh toán số tiền hụi 132.050.000 đồng. Đơn khởi kiện chúng tôi yêu cầu vợ chồng bà N thanh toán số tiền hụi 143.049.400 đồng. Nay chúng tôi thống nhất rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà N, ông H về số tiền hụi 10.999.400 đồng

Đồng bị đơn bà Nguyễn Thị N xác định: Tôi có làm chủ hụi, vợ chồng bà X có tham gia hụi do tôi làm chủ. Tính đến ngày tôi bể hụi ngày 09/12/2021, tôi còn thiếu bà X, ông S số tiền hụi sống là 132.050.000 đồng mà tôi đã trình bày tại biên bản đối chất tại Tòa án. Cụ thể, hụi ngày 20.000 đồng vợ chồng bà X tham gia 06 dây; một dây hụi 1.000.000 đồng/10 ngày, một dây hụi 2.000.000 đồng/15 ngày. Trong quá trình chơi hụi, đối với hụi ngày, chúng tôi thỏa thuận, nếu hụi viên không có nhu cầu hốt hụi thì các hụi viên (hụi viên còn sống) vẫn đóng hụi sống với số tiền lời mỗi phần hụi là 1.000 đồng đối với hụi ngày. Số tiền hụi viên đóng hụi này tôi là chủ hụi xoay đồng tiền ở các phần hụi khác và thanh toán lãi cho các hụi viên theo thỏa thuận (mỗi ngày 1000 đồng/phần). Cụ thể từng dây hụi như sau:

1) Hụi ngày mệnh giá 20.000 đồng/chung, vợ chồng X tham gia 06 dây hụi, cụ thể:

+ Dây hụi thứ 1, mở ngày 19 tháng 9 năm 2021 (âm lịch), có 80 phần, vợ chồng X tham gia 10 chung và đã góp được số tiền 15.170.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 2, mở ngày 24 tháng 9 năm 2021 (âm lịch), có 83 phần, vợ chồng bà X đóng được số tiền 21.330.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 3, mở ngày 07 tháng 10 năm 2021 (âm lịch), có 83 phần, vợ chồng bà X đóng được số tiền 23.500.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 4, mở ngày 17 tháng 10 năm 2021 (âm lịch), có 83 phần, vợ chồng bà X đóng được số tiền 9.850.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 5, mở ngày 01 tháng 11 năm 2021 (âm lịch), có 83 phần, vợ chồng bà X đóng được số tiền 7.380.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 6, mở ngày 26 tháng 11 năm 2021 (âm lịch), có 83 phần, vợ chồng bà X đóng được số tiền 5.260.000 đồng.

Các dây hụi này hai bên thỏa thuận lãi ngày đầu 3000 đồng/phần/ngày; ngày thứ hai là 2.000 đồng/phần/ngày; ngày thứ ba đến khi mãn hụi là 1000 đồng/ngày/phần.

Tổng 06 dây hui mệnh giá 20.000 đồng/ngày vợ chồng bà X đã đóng cho tôi được số tiền là 83.120.000 đồng.

2) Dây hui mệnh giá 1.000.000 đồng/10 ngày mở ngày 26/4/2021 âm lịch, gồm 31 phần, vợ chồng bà X tham gia 01 phần, góp hui được 23 lần (ngày 06/12/2021) bằng số tiền hui thực đóng là 19.770.000 đồng, đến ngày 10/12/2021 âm lịch, tôi bị vỡ hui (đình hui).

3) Dây hui 15 ngày mở hui 01 lần, mở ngày 15/4/2021 âm lịch, mệnh giá 2.000.000 đồng, gồm 22 phần, vợ chồng bà X tham gia 01 phần, góp hui được 16 lần bằng số tiền 29.790.000 đồng.

Nay tôi đồng ý trả nợ theo yêu cầu của vợ chồng bà X, ông S. Tuy nhiên, đây là nợ riêng của tôi, chồng tôi ông H không biết về khoản nợ này.

Đồng bị đơn ông Vũ Anh H trình bày: Tôi là chồng bà N, bà N làm chủ hui hơn 20 năm nay, khi về chung sống với tôi bà N đã làm chủ hui. Tôi và bà N có đăng ký kết hôn. Hiện tại chúng tôi vẫn còn chung sống với nhau, làm kinh tế chung. Tôi làm nghề hót tóc, bà N làm chủ hui. Việc bà N làm chủ hui tôi không trực tiếp tham gia, nhưng tôi biết và cũng thống nhất, không ngăn cản. Ngoài việc tôi làm nghề hót tóc, bà N làm chủ hui thì chúng tôi không có thêm nghề nào khác hoặc không có thêm nguồn kinh tế nào khác.

Do tôi không cùng bà N làm chủ hui nên số nợ ông S, bà X kiện không phải nợ chung của tôi với bà N. Từ đó tôi không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông S, bà X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh B trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đồng nguyên đơn, đồng bị đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X, ông S đối với ông H, bà N; buộc ông H, bà N cùng có trách nhiệm thanh toán cho bà X, ông S số tiền hui 132.050.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông S, bà X đối với ông H, bà N đối với số tiền 10.999.400 đồng, do ông S, bà X rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông H, bà N.

Bà X, ông S không phải chịu án phí. Ông H và bà N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 11 tháng 02 năm 2022, bà Nguyễn Thị Lệ X và ông Mã Văn S nộp đơn khởi kiện đến Tòa án tranh chấp nợ hui với bà Nguyễn Thị N và ông Vũ Anh H, khi khởi kiện, ông H và bà N cư trú tại ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh B. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà X, ông S đối với ông H và bà N về việc đòi số tiền hui 132.050.000 đồng.

[3]. Quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông S, bà X và bà N thống nhất xác định: Năm 2021, ông S, bà N có chơi hui do bà N làm chủ. Cụ thể: Hui ngày mệnh giá 20.000 đồng/ngày/phần, vợ chồng bà X, ông S tham gia 06 dây. Tính đến ngày 10/12/2021 bà N vỡ hui, bà N còn nợ vợ chồng bà X, ông S số tiền hui mà ông S, bà X thực đóng cho bà N là 83.120.000 đồng; Dây hui mệnh giá 1.000.000 đồng/10 ngày mở ngày 26/4/2021 âm lịch. Bà X, ông S đã đóng cho bà N số tiền là 19.770.000 đồng; Dây hui mệnh giá 2.000.000 đồng/15 ngày, mở ngày 15/4/2021 âm lịch, vợ chồng bà X, ông S đã đóng hui sống cho bà N số tiền 29.790.000 đồng.

[4]. Bà N đồng ý trả cho ông S, bà X số tiền hui 132.050.000 đồng. Cả bà N và ông H đều xác định đây là nợ riêng của bà N. Ông H không đồng ý cùng bà N trả nợ cho vợ chồng ông S, bà X, vì ông H không cùng bà N làm chủ hui và giao dịch với các hui viên. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của bà N và ông H là không có cơ sở. Bởi lẽ, bà N và ông H là vợ chồng hợp pháp (có đăng ký kết hôn), hiện vẫn đang sống chung nhà, làm kinh tế chung. Bà N làm chủ hui hơn 20 năm nay. Lợi ích từ việc làm chủ hui, bà N lo cho sinh hoạt gia đình, ăn uống, học hành của các con. Ông H làm nghề hót tót; ngoài hai nguồn thu nhập trên, ông H và bà N không còn nguồn thu nhập nào khác. Ông H biết bà N làm chủ hui và ông cũng thống nhất, không ngăn cản. Điều này được bà N và ông H thừa nhận trong quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay. Từ đó, có căn cứ xác định số nợ mà ông S, bà X kiện là nợ chung của ông H và bà N. Cần buộc ông H và bà N cùng có trách nhiệm thanh toán cho ông S, bà X số tiền hui gốc 132.050.000 đồng.

[5]. Ngày 01 tháng 4 năm 2022 và tại phiên tòa hôm nay, ông S và bà X thống nhất rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông H và bà N về số tiền hui 10.999.400 đồng. Lý do, ông S và bà X xác định, khi làm đơn khởi kiện, ông S và bà X yêu cầu ông H và bà N thanh toán số tiền hui 143.049.400 đồng. Nay, ông S và bà X đã tiến hành đối chiếu lại với bà N. Ông S và bà X chỉ yêu cầu bà N và ông H thanh toán số tiền hui gốc 132.050.000 đồng, rút số tiền 10.999.400 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy việc ông S, bà X rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông S, bà X là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không trái pháp luật nên cần ghi

nhận, đồng thời đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông S, bà X đối với ông H, bà N về số tiền hui 10.999.400 đồng.

Ngoài ra, việc ông S, bà X không yêu cầu tính lãi đối với số tiền hui gốc 132.050.000 đồng nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông H và bà N phải chịu số tiền án phí 5%/ đối với số tiền mà ông H, bà N có trách nhiệm thanh toán cho bà X, ông S với số tiền án phí là $132.050.000 \text{ đồng} \times 5\% = 6.602.500 \text{ đồng}$. Ông S, bà X không phải chịu án phí, ông S, bà X đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.576.000 đồng theo biên lai số 0000872 ngày 23/02/2022, được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

[7]. Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 , điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 219 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ X, ông Mã Văn S đối với bà Nguyễn Thị N và ông Vũ Anh H về tranh chấp nợ hui.

Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Vũ Anh H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Lệ X, ông Mã Văn S số tiền hui gốc 132.050.000 đồng (một trăm ba mươi hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ X, ông Mã Văn S đối với bà Nguyễn Thị N và ông Vũ Anh H về số tiền hui 10.999.400 đồng (mười triệu chín trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm đồng) do ông S và bà X có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông H và bà N phải chịu số tiền án phí là 6.602.500 đồng (sáu triệu sáu trăm lẻ hai nghìn năm trăm đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Ông S, bà X không phải chịu án phí, ông S, bà X đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.576.000 đồng (ba triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) theo Biên lai số 0000872 ngày 23/02/2022, được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện V;
- THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi